

Số: 27/2024/QĐST-HNGĐ

TP. Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kiều N, sinh năm 1990;

Cư trú: Tổ E, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Võ Thiên T, sinh năm 1986;

Cư trú: Tổ F, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 02 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị Kiều N và anh Võ Thiên T;

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Dương Thị Kiều N và anh Võ Thiên T có 02 con chung là cháu Võ Dương Hòa M, sinh ngày: 19/10/2006 và Võ Dương Hoài T1, sinh ngày: 21/8/2011. Khi ly hôn chị Dương Thị Kiều N và anh Võ Thiên T thống nhất giao cháu Võ Dương Hòa M và Võ Dương Hoài T1 cho chị Dương Thị Kiều N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Võ Thiên T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Kiều N và anh Võ Thiên T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) chị Dương Thị Kiều N tự nguyện chịu, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001565 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị N 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- UBND phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(*đã ký*)

**Huỳnh Thị Kim Quyên**